



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG
Khoa: Y DƯỢC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN DƯỢC XÃ HỘI HỌC

Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành: **DƯỢC HỌC**
Mã số: MPS1.11.7.1

Lần ban hành:
Ngày ban hành:
Số trang:

1. Thông tin chung

1.1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tiếng Việt: DƯỢC XÃ HỘI HỌC Tiếng Anh: SOCIOLOGY OF PHARMACY
- Mã số học phần: SPH1171
- Thuộc ngành/nhóm ngành: Khoa học Sức khỏe (Khối ngành VI)
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng: ☐ Kiến thức đại cương/chung ☐ Học phần chuyên về kỹ năng chung ☐ Kiến thức cơ sở ngành ☐ Học phần dạy học dự án ☒ Kiến thức ngành ☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Số tín chỉ: 02 (2-0) + Số tiết lý thuyết : 30 tiết + Số tiết thực hành/thảo luận: 0 tiết + Số tiết tự học : 60 tiết

- Điều kiện tham gia học phần:	
Học phần tiên quyết: Không	Mã số HP: Không
Học phần học trước: Không	Mã số HP: Không
Học phần song hành: Không	Mã số HP: Không
- Yêu cầu của học phần (<i>giảng viên ghi cụ thể các yêu cầu</i>) Thời gian người học có mặt trên lớp tối thiểu: 80%. Người học phải nộp đầy đủ bài tập, báo cáo, ... Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá thường xuyên.	
- Bộ môn/Khoa phụ trách học phần: Khoa Y Dược	

1.2. Các giảng viên phụ trách

- Giảng viên phụ trách chính: Ths. Trần Hải Ứng
- Các giảng viên cùng giảng dạy: Ths. Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

2. Mô tả học phần (*vị trí, vai trò của học phần đối với CTĐT, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần "Dược Xã hội học" cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội y tế, sức khỏe và vai trò của ngành dược trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Học phần tập trung vào các nội dung như lịch sử ngành dược, tổ chức ngành dược tại Việt Nam, các chính sách y tế, bảo hiểm xã hội, và các chương trình mục tiêu quốc gia. Ngoài ra, sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về chiến lược quốc gia về dân số, sức khỏe sinh sản, phát triển ngành dược và các quy định pháp luật liên quan như luật khám chữa bệnh, luật bảo hiểm y tế, và luật dược. Học phần đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy và kỹ năng quản lý của người dược sĩ, nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe.

3. Mục tiêu học phần (Course Objectives – COs)

Bảng 1. Mục tiêu của học phần

TT	Mô tả mục tiêu học phần	Đáp ứng CDR của CTĐT	Trình độ năng lực
CO1	Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về dân số, xã hội y tế, các chính sách y tế và vai trò của người dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	PLO ₅	3/6
CO2	Rèn luyện cho người học phát triển kỹ năng thực hành và tư vấn trong các lĩnh vực liên quan đến xã hội y tế, quản lý nhà nước về y tế và chính sách quốc gia về bảo vệ sức khỏe nhân dân.	PLO ₁₀	3/5
CO3	Giáo dục, rèn luyện cho người học Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dược xã hội học, ý thức trách nhiệm và thái độ chuyên nghiệp trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe.	PLO ₁₁ , PLO ₁₂	4/5

4. Chuẩn đầu ra học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)

Bảng 2. Mô tả chuẩn đầu ra học phần DƯỢC XÃ HỘI HỌC đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT ngành Dược học

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP DƯỢC XÃ HỘI HỌC			CLOs HP DƯỢC XÃ HỘI HỌC				
Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Ký hiệu	Mô tả	Mức NL cần đạt	Trọng số (%)	Chương HP đảm nhận
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
PLO5 [1.2.3]	Vận dụng các quy định pháp luật và kiến thức chuyên ngành để tham gia nghiên cứu, quản lý, cung ứng thuốc theo đúng quy chế.	3/6	CLO1 [1.2.3.1]	Hiểu và vận dụng các kiến thức về lịch sử ngành dược, tổ chức ngành dược tại Việt Nam, các chính sách y tế, dân số, và vai trò của người dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	3/6		Bài 1-8

PLOs ngành Dược học phân nhiệm cho HP DƯỢC XÃ HỘI HỌC			CLOs HP DƯỢC XÃ HỘI HỌC				
			CLO2 [1.2.3.2]	Áp dụng các quy định của luật Dược, luật khám chữa bệnh và các chính sách y tế trong hoạt động dược và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	3/6		Bài 1-8
PLO10 [2.2.1]	Thành thạo kỹ năng thực hành nghiên cứu, quản lý và cung ứng thuốc, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định pháp luật và quy chế chuyên ngành.	3/5	CLO3 [2.2.3.1]	Phân tích và thực hiện các chiến lược quốc gia về dân số, sức khỏe sinh sản, các chương trình y tế quốc gia và chỉ số cơ bản trong ngành y tế để cải thiện chất lượng chăm sóc sức khỏe.	3/5		Bài 1-8
			CLO4 [2.2.3.2]	Tham gia hiệu quả trong các hoạt động dược xã hội, tư vấn sử dụng thuốc và thực hiện các chương trình nâng cao sức khỏe cộng đồng một cách chuyên nghiệp và tuân thủ pháp luật.	3/5		Bài 1-8
PLO11 [3.1.1]	Thể hiện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tư duy độc lập, lập trường vững vàng và khả năng tự học suốt đời, chủ động phát triển kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn nhằm đáp ứng yêu cầu của ngành Dược và sự phát triển xã hội.	4/5	CLO5 [3.1.1.1]	Phát triển phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, và ý thức tuân thủ các quy định pháp luật trong các hoạt động dược.	4/5		Bài 1-8
PLO12 [3.2.1]	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với xã hội và môi trường, tôn trọng quyền và lợi ích của đồng nghiệp, bệnh nhân; duy trì phong cách làm việc chuyên nghiệp và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động chuyên môn.	4/5	CLO6 [3.2.1.1]	Hợp tác hiệu quả với đồng nghiệp, bệnh nhân và cộng đồng, đồng thời thể hiện tinh thần trách nhiệm xã hội và sự tôn trọng môi trường.	4/5		Bài 1-8

Bảng 3. Ma trận đóng góp của các chương cho việc đạt các CLOs HP ĐƯỢC XÃ HỘI HỌC ^(*)

CLO	1.2. Kiến thức ngành		Kỹ năng nghề nghiệp		NL tự chủ	Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
Bài 1	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 2	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 3	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 4	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 5	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 6	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 7	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5
Bài 8	3/6	3/6	3/5	3/5	4/5	4/5

5. Đánh giá học phần

Bảng 4. Đánh giá học phần

Bảng 1. Đánh giá quá trình					
Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A1. Đánh giá quá trình			50		
A1.1. Sự chuyên cần, thái độ học tập			20		
Sự chuyên cần (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Điểm danh	Thường xuyên
	CLO6	4/5	5		
Thái độ học tập (LT, TH)	CLO5	4/5	5	Tham gia phát biểu, thảo luận	
	CLO6	45	5		
A1.2. Kiểm tra định kỳ			30		
Bài kiểm tra 1	CLO1	3/6	8		Cuối bài 8

Bài đánh giá	CLOs được đánh giá	Điểm NL cần đạt	Trọng số (%)	Hình thức đánh giá	Thời điểm đánh giá
	CLO2	3/6	8	Tự luận/Trắc nghiệm/TL và TN	
	CLO3	4/5	7		
	CLO4	4/5	7		
A2. Đánh giá cuối kỳ (thi kết thúc học phần)			50		
Thi kết thúc học phần	CLO1	3/6	12,5	Tự luận	Theo lịch thi của P.QLĐT
	CLO2	3/6	12,5		
	CLO3	4/5	12,5		
	CLO4	4/5	12,5		

Bảng 5. Ma trận tương thích giữa các bài đánh giá với CDR học phần

CLO Bài ĐG	1.2. Kiến thức ngành		2.2. Kỹ năng nghề nghiệp		3.1. NL tự chủ	3.2. Tự chịu trách nhiệm
	CLO1 [1.2.1.1] – 3/6	CLO2 [1.2.1.2] – 3/6	CLO3 [2.2.1.1] – 3/5	CLO4 [2.2.1.2] – 3/5	CLO5 [3.1.1.1] – 4/5	CLO6 [3.2.1.1] – 4/5
A1.1 (20%)					X	X
A1.2 (30%)	X	X	X	X		
A2 (50%)	X	X	X	X		

6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

Bảng 6. Nội dung và kế hoạch giảng dạy học phần

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
1	Bài 1. Xã hội học Y tế và sức khỏe 1. Đại cương về xã hội học và xã hội y tế 2. Khái niệm về sức khỏe và y tế 3. Một số vấn đề của xã hội học y tế và sức khỏe 4. Các chương trình mục tiêu Quốc gia về y tế 5. Vai trò của chính sách xã hội và chính sách kinh tế với sức khỏe nhân dân	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
2	Bài 2. Quản lý nhà nước về y tế 1. Khái niệm chung 2. Bộ Y tế 3. Sở Y tế và phòng Y tế	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
3	Bài 3. Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân 1. Quan điểm 2. Mục tiêu 3. Các giải pháp chủ yếu 4. Tổ chức thực hiện	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2
4	Bài 4. Chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược – Luật Dược I. Chiến lược Quốc gia phát triển ngành Dược 1. Quan điểm phát triển 2. Mục tiêu 3. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu 4. Tổ chức thực hiện II. Luật Dược 1. Những quy định chung 2. Kinh doanh thuốc 3. Đăng ký, lưu hành thuốc	10	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>A1.1</i> <i>A1.2</i> A2

TT	Tên Chương, mục	Số tiết (LT/TH)	Đáp ứng CLOs	PP giảng dạy	Hoạt động học của NH	Bài đánh giá
	4. Thuốc đông y và thuốc từ dược điển 5. Đơn thuốc và sử dụng thuốc 6. Cung ứng thuốc trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh 7. Thông tin, quảng cáo thuốc 8. Thử thuốc trên lâm sàng 9. Quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần, tiền chất dung làm thuốc và thuốc phóng xạ 10. Tiêu chuẩn chất lượng thuốc và việc kiểm nghiệm thuốc 11. Điều khoản thi hành					
5	Bài 5. Chiến lược Quốc gia sức khỏe sinh sản 1. Nội dung chủ yếu 2. Tổ chức thực hiện	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
6	Bài 6. Hệ thống chỉ số cơ bản ngành Y tế 1. Chỉ số đầu vào của quá trình 2. Chỉ số đầu ra 3. Chỉ số kết quả 4. Chỉ số tác động	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
7	Bài 7. Chương trình mục tiêu Quốc gia 1. Nội dung chính 2. Cơ quan quản lý và điều hành chương trình	03	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
8	Bài 8. Vai trò người Dược sĩ trong thế kỷ 21 1. Bối cảnh chung về thuốc và tình hình sử dụng thuốc 2. Vai trò của người dược sĩ trong thế kỷ 21	02	CLO _{1,2,3,4,5,6}	Thuyết trình, phát vấn	Nghe giảng, ghi chép, đọc tài liệu, xây dựng bài	<i>AI.1</i> <i>AI.2</i> A2
Tổng		30				

7. Học liệu

Bảng 7. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
	Sách, giáo trình			
1	Nguyễn Thanh Bình	2020	Dược cộng đồng	Nhà xuất bản Y Học

Bảng 8. Danh mục địa chỉ website để tham khảo khi học học phần

TT	Nội dung tham khảo	Link trang web	Ngày cập nhật
1	Dược xã hội học	https://khotrithucso.com/doc/p/duoc-xa-hoi-hoc-295376	02/07/2022

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy học phần

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN, TH		Phục vụ cho nội dung bài học/chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường nhà C	- Máy tính, máy chiếu, phần mềm đào tạo trực tuyến (LMS) phần mềm họp trực tuyến Zoom, Microsoft Team.... - Mạng internet, wifi	01	Bài 1,2,3,4,5,6,7,8

9. Các rubrics đánh giá kết quả học tập

- Rubric đánh giá chuyên cần và thái độ học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

- Rubric đánh giá kiểm tra/thi bằng hình thức tự luận

Đánh giá kiểm tra viết (*Written Exam*): Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn.

Lấy 2 đầu điểm = 1 điểm kiểm tra định kỳ lý thuyết (15%) và 1 điểm kiểm tra định kỳ thực hành (15%)

10. Thi kết thúc học phần

- Cấu trúc đề thi kết thúc học phần:
 - **Số câu hỏi trong 1 đề:** 04 câu (2,5 điểm x 4); Mỗi câu đánh giá 1 CLO: 1 CLO₁, 1 CLO₂, 1 CLO₃, 1 CLO₄
 - **Thời gian làm bài:** 60 phút - Sinh viên được phép sử dụng tài liệu (*Đề mở*)
- Ma trận ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần

CLOs Bài đánh giá A2 (Thi kết thúc HP)		Các CLOs được đánh giá			
		1	2	3	4
		[1.2.1.1] - 3/6	[1.2.1.2] - 3/6	[2.2.1.1] - 3/5	[2.2.1.2]- 3/5
		<i>Kiến thức ngành</i>		<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
Bài 1	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 2	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 3	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 4	Số câu: 01	1	1	1	1
Bài 5	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 6	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 7	Số câu: 04	1	1	1	1
Bài 8	Số câu: 04	1	1	1	1
Cộng	32	8/32	8/32	8/32	8/32

- Các phương án tổ hợp câu hỏi thi để làm ĐỀ THI kết thúc học phần bằng hình thức tự luận:
- Phương án tổ hợp câu hỏi trong 1 đề thi: có 4 câu (1 CLO1, 1 CLO2, 1 CLO3, 1 CLO4) không cùng trong 1 chương hoặc 1 bài.
- Đề thi kết thúc học phần có 4 đề

Câu hỏi thi	Chương	Số lượng câu	Điểm	CLOs đánh giá - Mức NL	Số lượng câu hỏi trong ngân hàng câu hỏi thi
Câu 1	Bài 1/2/3/4/5/6/7/8	1	2,5	CLO1- 3/6	8
Câu 2	Bài 1/2/3/4/5/6/7/8	1	2,5	CLO2 - 3/6	8
Câu 3	Bài 1/2/3/4/5/6/7/8	1	2,5	CLO3 - 3/5	8
Câu 4	Bài 1/2/3/4/5/6/7/8	1	2,5	CLO4 - 3/5	8
Cộng		4	10		32

Trưởng khoa

Giảng viên

(Đã ký)

(Đã ký)

GS.TSKH Phùng Đắc Cam

Ths. Trần Hải Ứng